

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Truyền.

2. Bà Dương Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Việt**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **DTN**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 238, tổ 33, ấp MQ, xã HMP, huyện CB, tỉnh TG (Có đơn xin vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **TPN**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 44/2, ấp LH, xã TrT, thị xã HT, tỉnh TN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 23/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị DTN trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh TPN chung sống từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã HMP, huyện CB, tỉnh TG. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nh. không quan tâm, chăm sóc gia đình, không chí thú làm ăn, suốt ngày lêu lổng, tụ tập bạn bè ăn chơi, chị đã N.ều lần khuyên bảo nhưng anh Nh. vẫn tính nết nào tặc nấy và mỗi lần chị nói

chuyện với anh Nh. thì đều xảy ra cãi vã, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và không còn tiếng nói chung nên chị đã đưa con về sống cùng cha mẹ ở tỉnh TG từ đầu năm 2021 cho đến nay và anh chị cũng sống ly thân từ đó. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nh. do tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên TVĐ, sinh ngày 25/12/2009, hiện cháu Đ đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh Nh. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại anh chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị N. có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nh. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N. và anh Nh. theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị DTN và anh TPN chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, chị N. cho rằng nguyên nhân là do anh Nh. không quan tâm, chăm sóc gia đình, không chí thú làm ăn, tụ tập bạn bè ăn chơi và vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị đã N.ều lần khuyên bảo nhưng anh Nh. vẫn tính nết bất hòa và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N..

Anh chị có 01 con chung tên TVĐ, sinh ngày 25/12/2009 đang sống cùng chị N.. Chị N. có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống cùng chị N.. Do đó, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Đ cho chị N. trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị N. không yêu cầu anh Nh. cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N. không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị DTN có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh TPN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N. và anh Nh. theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của chị DTN và anh TPN, thấy rằng: Chị N. và anh Nh. chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, chị N. cho rằng nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, mỗi người một tánh ý, chí hướng hoàn toàn khác nhau, không quan tâm, chăm sóc gia đình và suốt ngày ăn chơi, lêu lổng và anh chị đã không sống cùng nhau từ năm 2021 cho đến nay. Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án triệu tập hợp lệ anh Nh. N.ều lần để làm rõ nội dung đơn khởi kiện của chị N. nhưng anh Nh. vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Điều đó, chứng tỏ anh Nh. đã không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N.. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, mâu thuẫn xảy ra nhưng anh chị đã không hàn gắn, không qu an tâm giúp đỡ nhau trong thời gian chung sống. Nhận thấy, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N. và anh Nh. có 01 con chung TVĐ, sinh ngày 25/12/2009 hiện đang sống cùng chị N., đồng thời cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống cùng chị N. nên cần giao cháu Đ cho chị N. trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị N. không yêu cầu anh Nh. cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N. khai nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Chị N. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị DTN đối với anh TPN. Chị DTN được ly hôn với anh TPN.

2. Về con chung: Giao con chung TVĐ, sinh ngày 25/12/2009 cho chị DTN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị DTN không yêu cầu anh TPN cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nh. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị DTN khai nhận không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị DTN phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N. đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số **0020499** ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

Chị DTN và anh TPN vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng Đ hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- CC.THADS thị xã HT;
- UBND xã TrT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân